



Tên Trước Đây: Shell Albida Grease EP, Retinax LX

Shell Gadus S3 V220C

Mỡ cao cấp chịu cực áp đa dụng

- Bảo vệ nhiều hơn
- Nhiệt độ cao
- Phục hợp Lithium đơ

Shell Gadus S3 V220C là mỡ đa dụng chất lượng cao bao gồm dầu gốc khoáng có chỉ số độ nhớt cao và chất làm đặc phức hợp lithium. Chúng chứa các chất phụ gia mới nhất để mang lại tính oxy hóa ở nhiệt độ cao tuyệt vời và các phụ gia khác nhằm tăng cường tính kháng oxy hóa của nó, chống mài mòn và tính chống ăn mòn. Mỡ Shell Gadus S3 V220C đặc biệt phù hợp cho những ổ đỡ hoạt động ở nhiệt độ cao và có mang tải.

Sử dụng

Shell Gadus S3 V220C được sử dụng bôi trơn mỡ cho những vòng bi chịu tải nặng làm việc trong các máy móc thường thấy trong các ứng dụng sau:

- Đúc liên tục
- Sàng rung
- Mỏ đá
- Máy nghiền
- Băng tải con lăn
- Ổ đỡ bánh xe ô-tô

Ưu điểm kỹ thuật

- **Ổn định cơ tính tuyệt vời ngay cả trong các điều kiện làm việc rung động nhiều**
Độ đặc của mỡ duy trì dài lâu kể cả trong môi trường rung động lớn.
- **Tính năng chịu cực áp được nâng cao.**
Khả năng chịu tải tuyệt vời.
- **Kháng nước rất tốt.**
Đảm bảo khả năng bảo vệ lâu dài trong môi trường có nhiều nước.
- **Điểm rót chảy cao**
- **Tuổi thọ vận hành lâu dài ở nhiệt độ cao**
- **Bảo vệ ăn mòn hiệu quả**
Đảm bảo các thành phần / vòng bi không hư hỏng do bị ăn mòn

Khoảng thời gian thay mỡ

Với những ổ đỡ làm việc gần nhiệt độ cao nhất được khuyến cáo, khoảng thời gian thay mỡ nên được xem xét lại.

Tiêu Chuẩn Kỹ Thuật

- Đạt ASTM D4950-08 GC-LB

Sức Khỏe và An Toàn

Shell Gadus S3 V220C không gây nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng quy định, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân được tuân thủ.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn xin tham khảo thêm Phiếu dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng

Chỉ dẫn

Có thể tham khảo tư vấn Đại diện Shell về các nội dung không có trong Tờ giới thiệu này.

Tính Chất Lý Học Điện Hình

Shell Gadus S3 V220C	Độ đặc theo NLGI		
	1	2	3
Màu sắc	Đỏ	Đỏ	Đỏ
Chất làm đặc	Phức hợp Lithium	Phức hợp Lithium	Phức hợp Lithium
Dầu gốc (type)	Khoáng	Khoáng	Khoáng
Độ nhớt dầu gốc @ 40°C cSt 100°C cSt (IP 71/ASTM-D445)	220 19	220 19	220 19
Độ xuyên kim Đã hoạt động @ 25°C (IP 50/ASTM-D217)	310-340	265-295	220-250
Điểm nhỏ giọt °C (IP 132)	240	240	240
Khả năng bơm Khoảng cách xa	Tốt	Khá tốt	Khá tốt

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai của Shell có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo qui cách mới của Shell.